

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn; Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2023/TLST-DS ngày 03/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 680/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP B

Địa chỉ: Tòa nhà H N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Phúc H ủy quyền lại cho: Ông Trần Bình H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số B, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Ông H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: Số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà C Phạm Thị Mỹ K, sinh năm 1999. Vắng mặt

Bà Châu Phạm Mỹ A, sinh năm 2004. Vắng mặt

Địa chỉ: Số B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/10/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP B trình bày: Ngày 17/5/2021, Ngân hàng TMCP B và bà Phạm Thị Mỹ N có ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 và ngày 03/12/2021 ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD. Theo đó, Ngân hàng đã cho bà Phạm Thị Mỹ N vay vốn 1.500.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán chi phí mua bất động sản là thửa đất số 1622, tờ BĐ 10, Khu vực L, phường T, Quận T, Thành phố Cần Thơ; Thời hạn vay: 240 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận nợ vay; Lãi suất cho vay: 12%/năm (lãi suất cố định trong 12 tháng đầu). Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do Ngân hàng quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 13, với lãi suất bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ 4%/năm. Nếu ngày điều chỉnh lãi suất là ngày nghỉ, ngày lễ mà Ngân hàng không làm việc thì Ngân hàng có quyền quyết định ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc tiếp theo của Ngân hàng. Định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của Ngân hàng theo giấy nhận nợ số 0472100017600001 ngày 20/05/2021. Ngoài ra, Ngân hàng và bà Phạm Thị Mỹ N đã ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD ký kết ngày 03/12/2021, theo đó Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho bà Phạm Thị Mỹ N là 150.000.000 đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay, thẻ tín dụng nêu trên bà Phạm Thị Mỹ N, bà Châu Phạm Thị Mỹ K1, bà C Phạm Mỹ A đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 0472100017700 ngày 18/05/2021, số công chứng: 709 do Văn phòng C1, tỉnh An Giang chứng nhận. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 6.047 m² đất chuyên trồng lúa nước (thửa đất: 1070, 1072; tờ bản đồ số: 1), địa chỉ: thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA459027, số vào sổ cấp GCN: CH01790 do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2010 cho ông Châu Anh K2 và bà Phạm Thị Mỹ N, cập nhật thừa kế cho bà Phạm Thị Mỹ N ngày 16/01/2014.

Trong quá trình vay vốn, bà N đã thanh toán gốc và lãi, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 04721000176, thanh toán tổng số tiền là: 401.875.662 đồng, trong đó nợ gốc là 118.750.001 đồng, nợ lãi

là 283.125.661 đồng và quá hạn thanh toán từ ngày 20/12/2022; Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD bà Phạm Thị Mỹ N đã thanh toán là 783.226.654 đồng và quá hạn thanh toán từ ngày 21/3/2023. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Phạm Thị Mỹ N phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/01/2024: 1.714.390.245 đồng, như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 ngày 17/5/2021, còn nợ số tiền vốn, lãi 1.612.639.334 đồng, trong đó nợ gốc: 1.381.249.999 đồng, nợ lãi 231.389.335 đồng.

Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD ngày 03/12/2021, còn nợ vốn, lãi là 101.750.911 đồng, trong đó nợ gốc: 74.900.000 đồng, nợ lãi là 26.850.911 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo 26/01/2024 theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 ngày 17/5/2021, giấy nhận nợ số 0472100017600001 ngày 20/05/2021, giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD ngày 03/12/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì bà Phạm Thị Mỹ N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất 6.047 m² đất chuyên trồng lúa nước (thửa đất: 1070, 1072; tờ bản đồ số: 1), địa chỉ: thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA459027, số vào sổ cấp GCN: CH01790 do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2010 cho ông Châu Anh K2 và bà Phạm Thị Mỹ N, cập nhật thừa kế cho bà Phạm Thị Mỹ N ngày 16/01/2014. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà Phạm Thị Mỹ N vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng. Buộc bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

Bị đơn Phạm Thị Mỹ N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Phạm Thị Mỹ K1, Châu Phạm Mỹ A vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Bình H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn Phạm Thị Mỹ

N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Phạm Thị Mỹ K1, C Phạm Mỹ A vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc Phạm Thị Mỹ N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.381.249.999 đồng, các loại lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 ngày 17/5/2021 và tiền gốc 74.900.000 đồng, các loại lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong theo lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD ngày 03/12/2021 mà các bên đã ký kết. Buộc bà N phải chịu án phí dân sự do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Bình H1 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án. Văn bản ủy quyền phù hợp theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ. Ngoài ra, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận có đăng ký thường trú tại địa chỉ theo tại hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 17/5/2021 và ngày 03/12/2021, giữa Ngân hàng TMCP B và Phạm Thị Mỹ N ký Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD. Ngân hàng đã cho bà N vay vốn 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận nợ vay, đồng thời ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi được 401.363.881 đồng, trong đó trả nợ gốc là 118.750.001 đồng, trả lãi được 282.613.880 đồng thì ngưng cho đến nay và còn nợ thẻ tín dụng 101.750.911, trong đó nợ gốc là 75.900.000 đồng, nợ lãi là 26.850.911 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán tính đến hết ngày 25/01/2024 là 1.714.390.245 đồng, trong đó nợ gốc là 1.456.149.999 đồng, nợ lãi 258.240.246 đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu được tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/01/2024 đối với 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi bị đơn tất toán xong và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Bị đơn Phạm Thị Mỹ N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Châu Phạm Thị Mỹ K1, C Phạm Mỹ A không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn chi phí tố tụng nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn Phạm Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 25/01/2024 là 1.714.390.245 đồng, trong đó nợ gốc là 1.456.149.999 đồng, nợ lãi 258.240.246 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/01/2024, bà Phạm Thị Mỹ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0472100017600 ngày 17/5/2021, giấy nhận nợ số 0472100017600001 ngày 20/05/2021 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử số 04721000071TD ngày 03/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 6.047 m², đất trồng lúa nước, thửa đất số 1070, 1072; tờ bản đồ số 1, đất tại thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA459027, số vào sổ cấp GCN: CH01790 do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2010 cho ông Châu Anh K2 và bà Phạm Thị Mỹ N, cập nhật thừa kế cho bà Phạm Thị Mỹ N ngày 16/01/2014. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì bà Phạm Thị Mỹ N vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[3] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Phạm Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ nộp 63.431.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền 29.112.810 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002583 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[4] Về chi phí tố tụng

Bị đơn Phạm Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B chi phí xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

